

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SON

Số: 175 /BTS-TCKT

V/v công bố thông tin ký kết hợp đồng
với người có liên quan của Công ty.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 18 tháng 1 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.
2. Mã chứng khoán: BTS.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam.
4. Điện thoại: 02263.851.323; Fax: 02263.851.320-02263.852.482.
5. Người thực hiện công bố thông tin.

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Phạm Trần Việt – Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

6. Nội dung của thông tin công bố.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin công bố:

- Nghị quyết số 165/BTS-HĐQT ngày 17/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán Clinker với Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

- Nghị quyết số 166/BTS-HĐQT ngày 17/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán xi măng với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

7. Địa chỉ Website đăng tải.

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD Cty (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TL.TỔNG GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Phạm Trần Việt

NGHỊ QUYẾT

Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán clinker
với Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại
Tờ trình số 162/BTS-TGD ngày 17/01/2024 về việc đề nghị Hội đồng quản trị chấp
thuận việc ký hợp đồng với đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị
Công ty số 14/BTS-HĐQT ngày 17/01/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng
mua bán clinker, xi măng với người có liên quan.


QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán clinker với Công ty cổ phần
Năng lượng và Môi trường VICEM theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại
Tờ trình số 162/BTS-TGD ngày 17/01/2024.

Điều 2. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết
hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân
thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

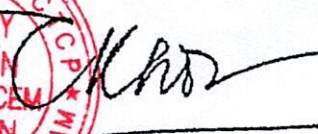
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- VICEM (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Đào Tuấn Khôi

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SON

Số: 166 /BTS-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán xi măng
với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SON

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại
Tờ trình số 162/BTS-TGD ngày 17/01/2024 về việc đề nghị Hội đồng quản trị chấp
thuận việc ký hợp đồng với đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị
Công ty số 14/BTS-HĐQT ngày 17/01/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng
mua bán clinker, xi măng với người có liên quan.


QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận việc ký hợp đồng mua bán xi măng với Công ty cổ phần
xi măng Vicem Sông Thao theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số
162/BTS-TGD ngày 17/01/2024.

Điều 2. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết
hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân
thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- VICEM (đề b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Tuấn Khôi

Số: 162 /BTS-TGD

Hà Nam, ngày 17 tháng 01 năm 2024

V/v Đề nghị HĐQT chấp thuận việc
ký hợp đồng với đơn vị có liên quan

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thị trường tiêu thụ xi măng, clinker năm 2024 của Công ty;

Năm 2024, Công ty dự kiến tiêu thụ 3.250.000 tấn sản phẩm (trong đó xi măng 2.820.000 tấn, clinker 430.000 tấn). Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu tiêu thụ xi măng và clinker rất thấp, Công ty đã nỗ lực làm việc với các đối tác để tăng sản lượng nhưng số lượng đơn hàng không nhiều, làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Công văn số 63/NL&MT-KTKH ngày 16/01/2024 của Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem về việc đề nghị mua clinker Bút Sơn.

Căn cứ Công văn ngày 17/01/2024 của Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao về việc đề nghị mua xi măng Bút Sơn;

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan bao gồm: “**Cổ đông**, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và **người có liên quan của họ**”.

Căn cứ Khoản a, b, Mục 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp bao gồm **công ty mẹ, công ty con, ...**

Như vậy, VICEM (chiếm 79,5% cổ phần) là công ty mẹ và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Vicem Bút Sơn; các công ty con của VICEM là người có liên quan của VICEM. Theo đó, để tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn dự kiến ký hợp đồng với Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem, Công ty CP Xi măng Vicem Sông Thao (là đơn vị thuộc đối tượng có liên quan của Công ty), cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Nội dung hợp đồng	Quan hệ với VICEM
1	Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem	Hợp đồng mua bán clinker	Công ty con
2	Công ty CP Xi măng Vicem Sông Thao	Hợp đồng mua bán xi măng	Công ty con

Để triển khai việc ký kết hợp đồng, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét chấp thuận việc ký hợp đồng năm 2024 với đơn vị có liên quan (Dự thảo hợp đồng kèm theo).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát; *[Signature]*
- Lưu: VT, XNTT.



Đỗ Tiến Trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dự thảo

HỢP ĐỒNG MUA BÁN CLINKER
Số: /BTS-XNTT

Các Bên căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 5/7/2019;
- Công văn ngày 16/01/2024 của Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem về việc ký hợp đồng mua bán Clinker Vicem Bút Sơn năm 2024;
- Nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, tại Văn phòng Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn, các Bên gồm:

I- BÊN BÁN: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN (gọi tắt là Bên A).

- Địa chỉ: Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.
- Điện thoại: (0226) 3851323; fax (0226) 3851320.
- Đại diện: Ông **Đỗ Tiên Trinh**, Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Tài khoản:

113000018726 tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
4820000906 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
29004311010232 tại NH NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam;
0901008686868 tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam;
2301122666888 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hà Nam;
29004311010295 tại NH NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam.

- Mã số thuế: 0700117613.
- Đơn vị thụ hưởng: **Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn.**

+ Tài khoản:

4820060201 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
119000028747 tại NH Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
2301112828688 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Ninh Bình.

II. BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM (gọi tắt là Bên B)

- Địa chỉ: Số 21B Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.38 457 458; fax: 024.38 457 186.

- Đại diện: Ông **Trần Khắc Mạnh**, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Tài khoản: 113 0000 93007 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Chương Dương, Hà Nội.

- Mã số thuế: 0100106352.

Xét rằng:

- Bên A là đơn vị sản xuất xi măng có uy tín, năng lực và nhiều kinh nghiệm, đã cung cấp sản phẩm Clinker mang thương hiệu Vicem Bút Sơn cho các đơn vị, tổ chức trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước;

- Bên B là đơn vị kinh doanh mua bán clinker, có đầy đủ năng lực để ký Hợp đồng này. Bên B đã tìm hiểu kỹ và đồng ý với toàn bộ các điều kiện mà Bên A đưa ra đối với tiêu chuẩn và điều kiện để được làm khách hàng tiêu thụ clinker Vicem Bút Sơn, chấp thuận hoàn toàn các điều kiện này,

Nay hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán clinker Vicem Bút Sơn năm 2024 với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1 “Hợp đồng”, “Hợp đồng này”: Là bản Hợp đồng mua bán clinker do đại diện hợp pháp của các Bên ký;

1.2 “Bên”, “các Bên”, “hai Bên”: Tùy theo ngữ cảnh được hiểu là Bên A, Bên B hoặc Bên A và Bên B hoặc Bên A, Bên B và các đơn vị khác liên quan Hợp đồng này;

1.3 “Phụ lục Hợp đồng”: Là văn bản sửa đổi và /hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.4 “Khách hàng”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật và quy định của Bên A đã ký Hợp đồng mua bán clinker với Bên A;

1.5 “Ngày”: Là bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật;

1.6 “Hàng hóa”: Là Clinker xi măng poóc lăng do bên A xuất bán;

1.7 “Xí nghiệp tiêu thụ”: Là tên viết tắt của Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn - Xí nghiệp tiêu thụ là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

Điều 2. Nội dung Hợp đồng:

2.1. Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua Clinker do Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7024: 2013 (sau đây gọi tắt là clinker, clinker Bút Sơn, clinker Vicem Bút Sơn hoặc hàng hóa).

2.2. Số lượng clinker mua bán: **(100.000 ± 10%) tấn.**

2.3. Căn cứ theo đăng ký mua clinker từng đợt của Bên B (gửi Bên A từ 01 - 02 ngày làm việc trước khi nhận hàng) và khả năng đáp ứng của Bên A (căn cứ vào điều kiện sản xuất của nhà máy) Bên A sẽ cân đối lượng clinker xuất cho bên B.

Điều 3. Quy cách, chất lượng, ký mã hiệu của clinker mua bán:

Chất lượng phù hợp loại Clinker xi măng thông dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7024: 2013 và thỏa mãn các chỉ tiêu kỹ thuật sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	PP Phân tích	Giá trị
1	Hàm lượng SiO ₂	%	TCVN 141:2008	≥ 20,0
2	Hàm lượng Al ₂ O ₃	%		≤ 6,5
3	Hàm lượng Fe ₂ O ₃	%		≤ 5,0
4	Hàm lượng CaO	%		≥ 64,5
5	Hàm lượng MgO	%		≤ 3,0
6	Hàm lượng CaO _{td}	%		≤ 2,0
7	Hàm lượng SO ₃	%		≤ 1,0
8	Hàm lượng Na ₂ O _{qd} (Na ₂ O _{qd} =Na ₂ O+0,658xK ₂ O)	%		≤ 0,8
9	Hàm lượng MKN	%		≤ 1,0
10	Hàm lượng CKT	%		≤ 0,75
11	Độ ẩm	%	TCVN 7024:2013	≤ 1,0
12	Khoáng C ₃ S	%	Tính toán	≥ 55,0
13	Khoáng C ₂ S	%		≤ 25,0
14	Khoáng C ₃ A	%		≤ 12,0
15	Khoáng C ₄ AF			≤ 13,0
16	Hệ số LSF			≥ 92,0
17	Cường độ nén: - 3 Ngày - 28 Ngày	%	TCVN 7024:2013	≥ 29 ≥ 50

Ghi chú: Clinker đều hạt, không lẫn cola, bột tả vàng....

Công thức tính toán khoáng, hệ số:

$$1) C_3S = 4,071 * CaO - 7,6 * SiO_2 - 6,718 * Al_2O_3 - 1,43 * Fe_2O_3$$

$$2) C_2S = 2,867 * SiO_2 - 0,754 * C_3S$$

$$3) C_3A = 2,65 * Al_2O_3 - 1,692 * Fe_2O_3$$

$$4) \text{Hệ số LSF}$$

$$LSF = \frac{100 * CaO}{2,8 * SiO_2 + 1,20 * Al_2O_3 + 0,65 * Fe_2O_3}$$

Tất cả các lô hàng được kiểm tra chất lượng theo kết quả của phòng Thí nghiệm Bên A. Bên A giao phiếu chất lượng cho Bên B theo từng lô clinker giao nhận.

Quy định khối lượng lô hàng kiểm soát chất lượng: 4.000 tấn-5.000 tấn/lô.

Trong trường hợp lô hàng có độ ẩm lớn hơn 1% thì được quy khô về 1% để tính số lượng. Kết quả này là cơ sở tính toán số lượng Clinker để Bên B thanh toán cho Bên A.

Điều 4. Đơn giá, giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán:

4.1. Giá bán Clinker giao trên phương tiện Bên B tại máng xuất đường bộ của Bên A theo quyết định của Bên A ban hành tại từng thời điểm hoặc theo phụ lục hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện nếu có biến động về giá cả trên thị trường thì Bên A có quyền điều chỉnh giá bán clinker mới cho phù hợp. Bên A thông báo trước 01 ngày cho Bên B bằng văn bản, nếu hai Bên thống nhất không làm phụ lục bổ sung Hợp đồng thì văn bản thông báo của Bên A có giá trị pháp lý như một phụ lục kèm theo Hợp đồng. Trường hợp hai bên không thống nhất về đơn giá bán theo quyết định mới thì chấm dứt và thanh lý hợp đồng.

4.2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán tiền mua clinker cho Bên A trước khi nhận hàng (cho từng tàu biển hoặc từng đợt), chuyển trả một lần hoặc nhiều lần nhưng trong mọi thời điểm Bên B nhận hàng luôn đảm bảo số dư có trên tài khoản của Bên A.

b) Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B trên cơ sở lượng hàng xuất thực tế. Lượng clinker xác định qua bàn cân điện tử Bên A là căn cứ xác định số lượng hàng thực xuất cho Bên B.

c) Nếu số lượng clinker thực tế giao nhận nhỏ hơn số lượng tương đương với số tiền Bên B đã chuyển thì Bên A sẽ chuyển trả hoặc bù trừ cho Bên B vào các đợt mua hàng tiếp theo.

d) Thanh toán thông qua hình thức đối trừ, bù trừ: Trong trường hợp Bên B có số dư có tại tài khoản của Bên A (do Bên B có ký kết và thực hiện các Hợp đồng với Bên A như: cung cấp vật tư đầu vào, vận chuyển, dịch vụ khác vv...) thì Bên A sẽ căn cứ vào giá trị đó để xuất giao clinker tương ứng cho Bên B.

e) Vào ngày 01 đến ngày 05 tháng sau, hai Bên tiến hành đối chiếu số lượng clinker đã thực hiện giao nhận và số tiền Bên B đã thanh toán, bù trừ trong tháng trước để làm cơ sở thanh quyết toán công nợ cuối kỳ.

4.3. Chứng từ đối chiếu/ thanh quyết toán:

- Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng clinker từng lô của Bên A 03 ngày và 28 ngày.

- Hóa đơn GTGT của Bên A (theo quy định của Bộ Tài chính).

- Phiếu cân từng xe hàng, bảng tổng hợp các phiếu cân/ngày.

- Biên bản đối chiếu số lượng clinker giao nhận giữa hai Bên.
- Các hồ sơ biên bản khác theo yêu cầu của bên B (nếu có).

4.4. Hình thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc đối trừ công nợ (nếu có).

Điều 5. Địa điểm và phương thức giao nhận clinker:

5.1. Địa điểm giao nhận:

Clinker giao nhận trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại nhà máy sản xuất xi măng của Bên A: xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

5.2. Phương thức giao nhận:

- Bên B nhận clinker tại máng xuất si lô của Bên A bằng phương tiện ô tô. Bên A sẽ xuất giao Bên B clinker đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng.

- Phương tiện của Bên B qua bàn cân điện tử của Bên A để cân trọng lượng bì xe, vào lấy hàng, cân trọng lượng xe có hàng và tính toán số lượng clinker thực tế trên xe.

- Tốc độ làm hàng bình quân là 3.000 tấn/ngày với điều kiện thời tiết thuận lợi, bao gồm cả chủ nhật/ngày lễ và làm việc liên tục ít nhất trong 12 giờ/ngày. Trong trường hợp bên A không giao đủ tiến độ dẫn đến dôi nhật phương tiện thì bên A phải chịu các chi phí theo thông báo của đại lý tàu (trừ các trường hợp bất khả kháng Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trong vòng 24h bằng văn bản để Hai Bên cùng làm việc và thống nhất phương án xử lý).

- Việc giao nhận hàng tại Bên A được theo dõi, giám sát thông qua đại diện của các bộ phận giao hàng Bên A và đại diện có thẩm quyền đến nhận hàng của Bên B và /hoặc đơn vị vận chuyển được Bên B uỷ quyền.

Điều 6. Kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm.

a) Mẫu hàng hóa đại diện cho từng lô hàng giao nhận được lấy tại nhà máy sản xuất xi măng của Bên A (có sự chứng kiến của bên B), chia đều thành 04 mẫu (tối thiểu 10 kg/mẫu), trong đó:

+ Một mẫu: Phân tích tại phòng thí nghiệm Bên A.

+ Hai mẫu: Giao cho Phòng thí nghiệm Bên B để kiểm tra đối chứng (nếu cần).

+ Một mẫu: Lưu tại Bên A (hai Bên ký niêm phong).

b) Chất lượng clinker được xác định bởi giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm do Phòng thí nghiệm Bên A phát hành.

c) Trong trường hợp kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm Bên B thể hiện chỉ tiêu chất lượng của lô hàng không đạt như các chỉ tiêu quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thì hai Bên sẽ thương thảo để xử lý trên tinh thần hợp tác.

d) Nếu phát hiện chất lượng clinker Bút Sơn không đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải báo ngay cho Bên A biết để xác định nguyên nhân và tìm biện pháp xử lý kịp thời; nếu

nguyên nhân là do Bên B bảo quản không tốt ảnh hưởng đến chất lượng clinker thì Bên B phải tự chịu trách nhiệm xử lý; nếu là lỗi do Bên A thì Bên A có trách nhiệm với toàn bộ sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn của mình.

- Nếu hai Bên không thống nhất về chất lượng clinker thì sẽ tiến hành trưng cầu giám định của Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng hoặc đơn vị giám định độc lập (có chức năng theo quy định của pháp luật được hai bên thống nhất chỉ định), toàn bộ chi phí giám định và các chi phí liên quan do Bên có lỗi chi trả.

e) Sau 60 ngày kể từ ngày Bên B nhận clinker mà Bên B không có ý kiến phản ánh gì về hàng hóa đã nhận thì mẫu lưu được phép hủy và Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm gì về những khiếu nại sau đó của Bên B.

Điều 7. Trách nhiệm của hai Bên:

7.1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Cung cấp clinker đúng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng đã nêu tại Điều 3 Hợp đồng này, đáp ứng yêu cầu của Bên B về số lượng và thời gian theo từng đơn hàng.

b) Cung cấp những chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý và chứng chỉ chất lượng từng lô hàng đã giao cho bên B (kết quả thử cơ lý 03 ngày trước khi cung cấp kết quả thử 28 ngày).

c) Chủ trì cùng Bên B để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

d) Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy định trong quá trình giao nhận clinker.

e) Bên A ủy quyền cho Xí nghiệp Tiêu thụ - Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn thay mặt Bên A thực hiện các giao dịch liên quan đến Hợp đồng này.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Bên B đặt hàng thông qua tài khoản giao dịch trên hệ thống bán hàng trực tuyến do Bên A cấp cho Bên B hoặc đặt hàng qua số Fax, số điện thoại, địa chỉ E-mail mà Bên B đã đăng ký với Bên A. Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các nội dung giao dịch qua các hình thức trên. Đơn đặt hàng của Bên B phải ghi rõ chủng loại và số lượng clinker, hình thức vận chuyển, biển số phương tiện, tên lái xe, địa điểm nhận hàng, địa bàn tiêu thụ.

b) Chuẩn bị đủ phương tiện để tiếp nhận hàng. Phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, kỹ thuật và giấy tờ lưu hành hợp lệ. Người điều khiển và phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải có trách nhiệm và đáp ứng đầy đủ quy định về mục tiêu và chính sách môi trường của Bên A theo hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển Bên B phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, có bạt che. Không để xăng, dầu, mỡ rò rỉ ra ngoài. Giảm thiểu khói bụi. Không làm bắn, hư hỏng hệ

thông đường, cống, cây xanh khu vực nhận hàng. Giảm thiểu các chất thải, chất thải nguy hại ra môi trường.

- Nếu phương tiện vận chuyển Bên B vi phạm một trong những điều kiện trên thì sẽ xử lý theo quy định bảo vệ môi trường của Bên A.

c) Bảo quản chất lượng, số lượng clinker trong suốt quá trình từ khi hàng ra khỏi cổng Nhà máy xi măng Bên A cho đến khi giao cho người sử dụng. Khi hàng đã ra khỏi cổng Nhà máy thì Bên A không chịu trách nhiệm bảo quản hàng và số lượng hàng đã giao cho Bên B.

d) Phối hợp cùng Bên A để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

e) Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của Bên A trong quá trình giao nhận clinker.

f) Bồi thường cho các Bên liên quan tất cả những rủi ro xảy ra đối với hàng hoá, phương tiện, người trong quá trình giao nhận và vận chuyển hàng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B.

g) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên A không giao hàng đúng chủng loại, chất lượng đã ghi trong Hợp đồng.

h) Thanh toán tiền hàng cho Bên A đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

i) Bên B ủy quyền cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem tại Hà Nam thực hiện các giao dịch liên quan tới Hợp đồng này đối với việc mua bán clinker với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn với các thông tin như sau:

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem tại Hà Nam.

+ Địa chỉ: La Mát, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

+ Số tài khoản: 4820001167 tại BIDV Việt Nam- CN Hà Nam

+ Mã số thuế: 0100106352-007.

- Phối hợp với Bên A để thực hiện việc giao nhận về khối lượng và chất lượng, trực tiếp ký các chứng từ giao nhận, và tiếp nhận bộ chứng từ thanh toán, hóa đơn giá trị gia tăng.

- Đối chiếu công nợ, khối lượng hàng giao nhận với Bên A.

- Cùng Bên A thực hiện lấy mẫu theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.

- Phối hợp với Bên A giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

Điều 8. Điều kiện bất khả kháng:

8.1. Cả hai Bên đều không có trách nhiệm khi không hoàn thành một phần hay toàn bộ các điều khoản ghi trong Hợp đồng này nếu các nghĩa vụ đó không thể thực hiện và khắc phục được, gây nên bởi những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của các Bên, các Bên không biết và không thể biết

trước được sẽ xảy ra, được hai Bên công nhận là "điều kiện bất khả kháng" như: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, hỏa hoạn vv...

8.2. Nếu điều kiện bất khả kháng xảy ra thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho bên đối tác biết trong vòng 05 ngày bằng văn bản, đồng thời tích cực giải quyết hậu quả kể cả việc bồi thường cho các Bên liên quan.

8.3. Việc giải quyết điều kiện bất khả kháng phải được tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật về Hợp đồng kinh tế. Trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình trong Hợp đồng.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp:

9.1. Khi xảy ra khiếu kiện, khiếu nại về chất lượng clinker thì Bên B hoặc khách hàng sử dụng clinker phải có đầy đủ mẫu clinker và các chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

9.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp giữa Bên A và Bên B thì trước hết hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải và hợp tác trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên. Trường hợp hai Bên không thể giải quyết thông qua thương lượng thì một trong các Bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A có địa chỉ trụ sở để giải quyết theo luật định. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành đối với các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng:

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này.

10.2. Hợp đồng này tự động chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được hai Bên ký kết.

b) Do việc thay đổi chính sách, quy định của Chính phủ, Nhà nước hay của những cơ quan hữu quan mà điều đó làm cho một bên không thể tiếp tục thực hiện được Hợp đồng nữa. Trường hợp này bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện.

c) Khi hai Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhau theo quy định của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ ký biên bản thanh lý Hợp đồng hoặc Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

d) Trong trường hợp Bên A gửi Biên bản thanh lý cho Bên B qua đường bưu điện, sau 20 ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản thanh lý (theo xác nhận của bưu điện) mà Bên A vẫn không nhận được Biên bản thanh lý do Bên B gửi lại cho Bên A thì coi như Bên B đã chấp nhận Biên bản thanh lý đó.

Điều 11. Điều khoản thi hành

11.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, không được đơn phương sửa đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng. Nếu bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

11.2. Các văn bản, quyết định thông báo về giá bán,... và các quy định khác được Bên A ký chính thức gửi cho Bên B trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực được xem là những phần không thể tách rời Hợp đồng này. Trong trường hợp cần thiết thì hai Bên sẽ ký Phụ lục Hợp đồng.

11.3. Những quy định của nhà nước liên quan đến Hợp đồng này không đề cập ở đây thì bắt buộc các Bên phải tuân theo.

11.4. Trao đổi thông tin giữa các Bên: Các Bên có thể thực hiện việc trao đổi thông tin thông qua các hình thức như: Fax, điện thoại, e-mail, công văn, thư tín hoặc hình thức khác hợp lệ và chịu trách nhiệm hoàn toàn các nội dung thông qua các hình thức trao đổi thông tin trên.

11.5. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

11.6. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bản gồm 09 (chín) trang 11 (mười một) điều; Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XI MĂNG

Số: /BTS-XNTT

Các Bên căn cứ vào:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Văn bản đề nghị của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về việc ký hợp đồng mua bán xi măng năm 2024;
- Nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, các Bên gồm:

I- BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SON (gọi tắt là bên A).

- Địa chỉ: Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.
- Điện thoại: (0226) 3851323; fax (0226) 3851320.
- Đại diện: Ông **Đỗ Tiên Trình**, chức vụ: Tổng giám đốc.
- Tài khoản:
 - 113000018726 tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
 - 4820000906 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
 - 29004311010232 tại NH NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam;
 - 0901008686868 tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam;
 - 2301122666888 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Hà Nam;
 - 29004311010295 tại NH NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam.

- Mã số thuế: 0700117613.

- Đơn vị thụ hưởng: **Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn.**

+ Tài khoản:

- 4820060201 tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam;
- 119000028747 tại NH Công thương Việt Nam - CN Hà Nam;
- 2301112828688 tại NH TMCP Quân đội Việt Nam - CN Ninh Bình.

II- BÊN MUA: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO (gọi tắt là Bên B)

- Địa chỉ: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
- Điện thoại: 0210 3884 927; Fax: 0210 3884 929.
- Đại diện: Ông **Nguyễn Quang Huy**; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Số tài khoản: 118 600399 566 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Đền Hùng.

- Mã số thuế: 2600279082.

Xét rằng:

- Bên A là đơn vị sản xuất xi măng có uy tín, năng lực và nhiều kinh nghiệm, đã cung cấp sản phẩm xi măng mang thương hiệu Vicem Bút Sơn cho các đơn vị, tổ chức trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước. Bên A đã xem xét và đồng ý với những đề nghị tại văn bản đề nghị được phân phối tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn của Bên B;

- Bên B là đơn vị có đầy đủ năng lực để ký Hợp đồng này. Bên B đã tìm hiểu kỹ và đồng ý với toàn bộ các điều kiện, tiêu chuẩn mà Bên A đưa ra để được làm Nhà phân phối xi măng Vicem Bút Sơn.

Sau khi bàn bạc hai bên nhất trí cùng ký kết hợp đồng với nội dung và các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1.1. “Hợp đồng”, “Hợp đồng này”: Là bản Hợp đồng mua bán xi măng do đại diện hợp pháp của các Bên ký;

1.2. “Bên”, “các Bên”, “hai Bên”: Tùy theo ngữ cảnh được hiểu là Bên A, Bên B hoặc Bên A và Bên B hoặc Bên A, Bên B và Nhà phân phối khác;

1.3. “Phụ lục hợp đồng”: Là văn bản sửa đổi và /hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.4. “Sự kiện bất khả kháng”: Là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của các Bên, các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, hỏa hoạn vv...;

1.5. “Nhà phân phối”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật và quy định của Bên A;

1.6. “Ngày”: Là bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật;

1.7. “ Sản phẩm”: Là xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB 30 bao và rời, PCB 40 bao và rời, PC40 bao và rời, xi măng chuyên dụng xây trát MC25, xi măng chuyên dụng xây trát ASTM C91 loại M và các sản phẩm xi măng khác;

1.8. “Xí nghiệp tiêu thụ xi măng”: được hiểu là Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn - Xí nghiệp tiêu thụ, là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn;

1.9. “Chuyển tiền trước” là giá trị tiền thanh toán chuyển trước cho Bên A trước khi nhận hàng;

1.10. “Địa bàn tiêu thụ” là địa bàn được phân chia theo địa giới hành chính, các công trình, dự án, trạm trộn cụ thể;

1.11. “Bán trái địa bàn” là việc nhà phân phối, phương tiện hoặc khách hàng của Nhà phân phối vận chuyển xi măng, tiêu thụ tại địa bàn tiêu thụ không đúng theo quy định của hợp đồng;

1.12. “Ngân hàng” là các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng hợp pháp hoạt động tại Việt Nam.

Điều 2. Chứng loại, chỉ tiêu chất lượng, quy cách hàng hóa

TT	Chứng loại	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách
I	Xi măng rời			
1	Xi măng rời PCB40 đa dụng	8.000 tấn	TCVN 6260:2020	Được xuất trực tiếp vào xe bồn chuyên dụng hoặc đóng bao jumbo

a) Các chứng loại xi măng được sản xuất theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN16:2019/BXD

b) Tất cả các lô xi măng đều được kiểm tra chất lượng theo các phương pháp của Phòng thí nghiệm Bên A.

d) Trường hợp Bên A bổ sung sản phẩm xi măng khác các chứng loại trên, Bên A căn cứ vào nhu cầu thực tế của khách hàng Bên B để xem xét ban hành giá bán, hai Bên thống nhất không cần bổ sung thêm phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Địa bàn tiêu thụ: Bên B mua xi măng của Bên A để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B tại địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Giá bán xi măng, cơ chế chiết khấu thương mại, khuyến mại và hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường

4.1. Giá bán:

a) Giá bán căn cứ vào các văn bản của Bên A ban hành tại từng thời điểm.

b) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, căn cứ tình hình thực tế của thị trường, Bên A có quyền điều chỉnh giá bán xi măng cho phù hợp và thông báo bằng văn bản trước 02 ngày kể từ ngày điều chỉnh. Hai Bên sẽ thực hiện mức giá bán mới kể từ ngày Bên A điều chỉnh mà không cần phải ký Phụ lục hợp đồng.

4.2. Cơ chế chiết khấu thương mại, khuyến mại và hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường:

a) Tại từng thời điểm, căn cứ vào tình hình thị trường, Bên A sẽ ban hành cơ chế chiết khấu thương mại, khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường cho Bên B phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Trường hợp có sự thay đổi về giá trị hoặc hình thức chiết khấu thương mại, khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường đã có trước đó, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và hai Bên thống nhất thực hiện theo văn bản mới của Bên A mà không cần phải ký thêm Phụ lục hợp đồng.

c) Giá trị khuyến mại được Bên A trả bằng các sản phẩm xi măng Vicem Bút Sơn, bằng hiện vật khác hoặc bù trừ vào công nợ hàng tháng giữa hai Bên hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường tại từng thời điểm, Bên A sẽ thực hiện một hoặc nhiều hình thức như: hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường; chiết khấu thương mại; khuyến mại cho phù hợp và được thông báo bằng văn bản cho Bên B để thúc đẩy việc tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn.

Điều 5. Địa điểm và phương thức giao nhận

5.1. Địa điểm giao nhận xi măng bao gồm:

a) Trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại Nhà máy - xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;

b) Trên phương tiện vận chuyển đường thủy của Bên B hoặc Nhà thầu vận tải của Bên B tại cảng Bút Sơn (Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam);

5.2. Phương thức giao nhận:

5.2.1. Đối với xi măng rời:

Bên A giao xi măng cho Bên B trực tiếp vào xe chuyên dùng hoặc đóng bao jumbo. Số lượng được xác định qua cân điện tử của Bên A (hoặc tại các điểm gia công của Bên A trong trường hợp xuất xi măng rời tại các điểm gia công), bằng tổng trọng lượng (xe và hàng) trừ đi trọng tải xe trước khi có hàng. Sau khi giao xong hàng, Bên A sẽ tiến hành niêm phong và kẹp chì tại các điểm cần thiết theo quy định của Bên A.

5.2.2. Nếu Bên B ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thay mặt mình đến nhận xi măng thì tổ chức, cá nhân đó phải có giấy ủy quyền hợp pháp của Bên B (tổ chức, cá nhân được ủy quyền sẽ là đại diện của Bên B theo phạm vi được ủy quyền) xuất trình cho Bên A làm các thủ tục cần thiết.

5.2.3. Hai Bên cùng thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong quá trình giao nhận xi măng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về các rủi ro trong quá trình vận chuyển và lưu thông xi măng.

5.2.4. Các thủ tục giao nhận thực hiện theo quy trình bán hàng và dịch vụ sau bán hàng do Bên A ban hành, xuất hóa đơn GTGT theo quy định của Nhà nước.

Điều 6. Phương thức thanh toán tiền hàng

6.1. Hình thức thanh toán:

a) Tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng;

b) Được áp dụng hình thức đối trừ hoặc bù trừ công nợ giữa hai Bên và /hoặc giữa các Bên (nếu có), trong trường hợp này phải có biên bản thỏa thuận giữa các bên để xác nhận nghĩa vụ đối trừ và phương thức đối trừ.

c) Các hình thức thanh toán khác theo quy định của Bên A và của pháp luật hiện hành.

6.2. Phương thức thanh toán:

6.2.1. Thanh toán trả tiền trước:

Khi Bên B thanh toán tiền trước khi nhận hàng, Bên A có thể xem xét ban hành chính sách chiết khấu thanh toán cho Bên B tùy vào từng thời điểm.

6.2.2. Thanh toán thông qua hình thức đối trừ, bù trừ giữa các bên hoặc các hình thức thanh toán khác:

a) Giá trị hỗ trợ tiêu thụ, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán của Bên B được Bên A chi trả bù trừ vào công nợ hàng tháng của Bên B theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp sau khi đối trừ/ bù trừ công nợ mà Bên B vẫn còn công nợ phải thu với Bên A (do Bên B có ký kết và thực hiện các hợp đồng với Bên A như: Nhập vật tư đầu vào, khai thác đá, vận chuyển, quảng cáo vv...), thì Bên A sẽ căn cứ vào giá trị đó để cấp xi măng tương ứng cho Bên B.

c) Thanh toán thông qua hình thức khác theo quy định của Bên A và của pháp luật hiện hành.

6.2.3. Xác định khối lượng, giá trị thanh toán và chứng từ hỗ trợ:

a) Từ ngày 01 - 10 của tháng tiếp theo, hai Bên tiến hành lập biên bản đối chiếu ký xác nhận số lượng xi măng giao nhận và công nợ phát sinh trong tháng trước để làm cơ sở thanh quyết toán tiền hàng. Ngoài ra hai Bên cũng có thể tiến hành đối chiếu bất thường khi có yêu cầu của một Bên bất kỳ.

b) Bên A có quyền thực hiện chiết khấu thương mại, khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ phát triển thị trường cho Bên B để thúc đẩy công tác tiêu thụ, hồ sơ chứng từ thanh toán cho Bên B do Bên A quy định.

c) Bên A có quyền đơn phương xác định công nợ của Bên B trên cơ sở: Đơn đặt hàng của Bên B hoặc hoá đơn, chứng từ xuất hàng của Bên A cho Bên B.

Điều 7. Phạt vi phạm

7.1. Trong trường hợp Bên A cung cấp hàng hóa thấp hơn tiêu chuẩn quy định thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên B. Việc xác định chất lượng hàng hóa thấp hơn tiêu chuẩn do Viện vật liệu xây dựng xác định.

7.2. Trường hợp Bên B vi phạm cam kết giữa hai Bên về giao hàng, bán trái địa bàn và địa điểm đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Bên A sẽ áp dụng các chế tài phạt vi phạm và thông báo bằng văn bản cho Bên B. Hình thức, giá trị phạt vi phạm và phương thức thanh toán tiền nộp phạt trong trường hợp này theo quy định do Bên A ban hành. Trường hợp có phát sinh thiệt hại cho Bên A hoặc các Bên có liên quan thì ngoài việc nộp phạt vi phạm, Bên B còn phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho Bên A và các Bên có liên quan, đồng thời Bên A có quyền dừng cấp hàng và giao địa bàn có mã hàng vi phạm cho Nhà phân phối khác tham gia tiêu thụ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

8.1.1. Quyền của Bên A:

a) Gia hạn thời gian thanh toán hoặc chuyển nợ cho Bên B trong trường hợp xét thấy cần thiết.

b) Bên A ủy quyền cho Xí nghiệp tiêu thụ thay mặt Bên A thực hiện các giao dịch liên quan đến hợp đồng này.

c) Khi hàng đã được giao lên phương tiện vận chuyển của Bên B thì Bên A không chịu trách nhiệm bảo quản hàng và số lượng hàng đã giao cho Bên B.

8.1.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp xi măng đúng theo tiêu chuẩn và chất lượng đã nêu ở Điều 2 Hợp đồng này, đáp ứng yêu cầu của Bên B về số lượng, chủng loại và thời gian theo từng đơn hàng.

b) Đảm bảo các quyền lợi đối với các khách hàng của Bên B.

c) Bên A cung cấp cho Bên B các giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ các dịch vụ xúc tiến bán hàng như: Quảng cáo, tờ rơi, thông tin và một số dịch vụ khác (nếu có) cho Bên B và hệ thống bán hàng, tiêu thụ sản phẩm xi măng Vicem Bút Sơn của Bên B.

d) Chủ trì cùng Bên B giải quyết những phát sinh sau bán hàng về chất lượng sản phẩm, địa điểm tiêu thụ và các dịch vụ sau bán hàng (nếu có).

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

8.2.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A thực hiện đúng, đầy đủ cam kết cấp hàng với những tiêu chí về chất lượng như đã quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

b) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên A không cấp hàng cho Bên B sau khi Hợp đồng có hiệu lực (trừ trường hợp bất khả kháng).

c) Có quyền đề xuất các cơ chế, chính sách để ổn định và phát triển thị trường tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn.

8.2.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo đúng quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

b) Tuân thủ các quy định của Nhà nước về vận chuyển hàng hóa. Chịu trách nhiệm bảo quản chất lượng, số lượng xi măng trong suốt quá trình từ khi hàng được giao lên phương tiện vận chuyển của Bên B cho tới khi giao đến người sử dụng.

c) Bên B và khách hàng của Bên B phải thực hiện đặt hàng thông qua tài khoản giao dịch trên hệ thống bán hàng và quản lý hàng hóa trực tuyến do Bên A cấp cho Bên B và khách hàng của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm toàn bộ các nội dung giao dịch qua hình thức trên. Đơn đặt hàng của Bên B phải ghi rõ chủng loại và số lượng xi măng, phương tiện vận chuyển và biển số, tên và số điện thoại của người điều khiển phương

tiện, địa điểm nhận hàng và địa bàn tiêu thụ. Bên B phải có trách nhiệm yêu cầu, hỗ trợ hệ thống khách hàng của Bên B trong việc sử dụng phần mềm hệ thống bán hàng trực tuyến của Bên A. Trong trường hợp Bên B và khách hàng của Bên B không sử dụng hệ thống phần mềm để đặt hàng, Bên A có quyền xem xét tạm dừng hoạt động tiêu thụ của Bên B hoặc khách hàng của Bên B.

d) Phối hợp cùng Bên A trong việc chăm sóc khách hàng, cửa hàng, đại lý, mở rộng và phát triển thị trường cũng như thực hiện việc báo cáo và cùng nhau hợp tác để giải quyết những vấn đề hai Bên còn tồn tại hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

e) Không được phép chuyển nhượng nghĩa vụ hay quyền của Bên B đã được quy định trong Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

f) Bên B phải đăng ký danh sách phương tiện vận chuyển hàng của Bên B cho Bên A, danh sách này được quy định cụ thể tại **Phụ lục hợp đồng** kèm theo. Phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, kỹ thuật và giấy tờ lưu hành hợp lệ theo quy định của pháp luật. Người điều khiển và phương tiện vận chuyển hàng của Bên B phải có trách nhiệm đáp ứng đầy đủ quy định về mục tiêu, chính sách môi trường của Bên A theo hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển Bên B phải đảm bảo: Vệ sinh sạch sẽ, khô ráo, có bạt che. Không để xăng, dầu, mỡ rò rỉ ra ngoài. Giảm thiểu khói bụi. Không làm bẩn, hư hỏng hệ thống đường, cống, cây xanh khu vực nhận hàng. Giảm thiểu các chất thải, chất thải nguy hại ra môi trường.

- Nếu phương tiện vận chuyển Bên B vi phạm một trong những điều kiện trên thì sẽ xử lý theo quy định bảo vệ môi trường của Bên A.

g) Bồi thường cho các Bên liên quan tất cả những rủi ro xảy ra đối với hàng hoá, phương tiện, người trong quá trình giao nhận và vận chuyển hàng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B.

h) Chịu phạt vi phạm đối với bất kỳ vi phạm các cam kết, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B qui định trong hợp đồng này. Trong trường hợp có thiệt hại thì có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại này cho Bên A và/hoặc các Bên có liên quan.

Điều 9. Bảo hành và bảo quản sản phẩm

9.1. Nếu phát hiện chất lượng xi măng Vicem Bút Sơn không đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B phải báo ngay cho Bên A biết để xác định nguyên nhân và tìm biện pháp xử lý kịp thời. Nếu nguyên nhân là do Bên B bảo quản không tốt ảnh hưởng đến chất lượng xi măng Vicem Bút Sơn thì Bên B phải tự chịu trách nhiệm xử lý. Nếu là lỗi do Bên A thì Bên A có trách nhiệm với toàn bộ sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn của mình. Nếu hai Bên không thống nhất về vấn đề chất lượng xi măng, sẽ tiến hành trưng cầu giám định của Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng hoặc Viện chuyên ngành bê tông thuộc Viện khoa học công nghệ xây dựng (IBST). Toàn bộ chi phí giám định và các chi phí liên quan do Bên có lỗi chi trả.

9.2. Sau 60 ngày kể từ ngày Bên B nhận hàng mà Bên B không có ý kiến phản ánh gì về hàng hóa đã nhận, thì Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm gì về những khiếu nại sau đó của Bên B.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

10.1. Giải quyết tranh chấp giữa Bên B với đối tác của Bên A hoặc các Nhà phân phối khác của Bên A: Khi xảy ra tranh chấp về địa bàn, địa điểm bán hàng, Bên A sẽ chủ trì giải quyết các tranh chấp trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các Bên và ý kiến kết luận của Bên A là ý kiến quyết định để các Bên thực hiện.

10.2. Khi xảy ra khiếu kiện, khiếu nại về chất lượng xi măng Vicem Bút Sơn thì Bên B hoặc khách hàng sử dụng xi măng Vicem Bút Sơn phải có đầy đủ mẫu xi măng, bao bì (đối với xi măng bao) và các chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

10.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp giữa Bên A và Bên B thì trước hết các Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên. Trường hợp hai Bên không thể giải quyết thông qua thương lượng thì hai bên thống nhất chuyển vụ việc đến tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam để giải quyết theo luật định. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành đối với các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

Điều 11. Hiệu lực của hợp đồng

11.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 29/02/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này.

11.2. Hợp đồng này tự động chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được hai Bên ký kết.

b) Do việc thay đổi chính sách, quy định của Chính phủ, Nhà nước hay của những cơ quan hữu quan mà điều đó làm cho một bên không thể tiếp tục thực hiện được Hợp đồng nữa. Trường hợp này bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện.

c) Khi các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhau theo quy định của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ ký biên bản thanh lý Hợp đồng.

d) Trong trường hợp Bên A gửi Biên bản thanh lý cho Bên B qua đường bưu điện sau 20 ngày kể từ ngày gửi mà Bên A vẫn không nhận được Biên bản thanh lý do Bên B gửi lại cho Bên A thì coi như Bên B đã chấp nhận Biên bản thanh lý đó.

Điều 12. Điều khoản thi hành

12.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ và các cam kết của mình.

12.2. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh

nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

12.3. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung khác các nội dung đã nêu tại khoản d của Điều 2 và khoản 13.2 của điều này thì sẽ lập thành Phụ lục hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận của Bên A.

12.4. Các văn bản, quyết định thông báo về giá bán, khuyến mại, chiết khấu thương mại, hỗ trợ bán hàng vv... và các quy định khác được Bên A ký chính thức gửi cho Bên B trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực được xem là những phần không thể tách rời hợp đồng này. Trong trường hợp cần thiết thì hai Bên sẽ ký Phụ lục Hợp đồng.

12.5. Trao đổi thông tin giữa các Bên: Các Bên có thể thực hiện việc trao đổi thông tin thông qua các hình thức như: Fax, điện thoại, e-mail, công văn, thư tín hoặc hình thức khác hợp lệ và chịu trách nhiệm hoàn toàn các nội dung thông qua các hình thức trao đổi thông tin trên.

12.6. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bản gồm 09 trang (chín trang) trang 13 (mười ba) điều; Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

